

Bản án số: 12 /2025/HNGĐ- ST

Ngày: 20- 02- 2025.

V/v: *Tranh chấp ly hôn, con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thanh Văn

Ông Nguyễn Quang Kim

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 312/2024/TLST- HNGĐ ngày 26/11/2024 về “ *Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXX ST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là anh Nguyễn Đức K trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 02/10/2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Sau khi kết hôn chị T về gia đình nhà chồng làm dâu ngay ở chung với gia đình, năm 2007 vợ chồng ở riêng. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn thua lỗ phải bán nhà, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2013 chị T đi hợp tác lao động ở A không được sự đồng ý của anh. Thời gian chị T đi hợp tác lao

động ở nước ngoài không về thăm nhà, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không liên lạc với nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2016, nguyên nhân là do chị T về nước được mấy tháng sau đó đi hợp tác lao động ở Đài Loan. Thời gian chị T đi Đài Loan vợ chồng không quan tâm đến nhau, ai biết người đó, vợ chồng không liên lạc với nhau. Khoảng năm 2019 chị T ở Đài Loan có thai với người khác, chị T điện thoại xin cho về nhà anh sinh con nhưng anh không đồng ý. Chị T về nhà mẹ đẻ ở thành phố B để sinh con. Cuối năm 2019 chị T làm đơn xin ly hôn nhưng lại rút về . Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2020 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con nuôi tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/10/2009, hiện đang ở với anh, việc nhận cháu L làm con nuôi vợ chồng anh có làm thủ tục theo quy định của pháp luật; 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân tên Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2020. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh nuôi cháu L, giao cho chị T nuôi cháu Quỳnh A. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Chị xác định không có nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T là bị đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức K kết hôn ngày 02/10/2000 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Sau khi kết hôn chị về nhà anh K làm dâu ngay ở chung cùng gia đình nhà chồng, năm 2007 vợ chồng ở riêng. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do làm ăn thua lỗ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2013 chị đi xuất khẩu lao động, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh K đề nghị giải quyết ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con nuôi tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/10/2009, hiện đang ở cùng anh K, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2020. Nay ly hôn cháu L ở với ai là do cháu quyết định, chị nuôi cháu Quỳnh A, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất chung, công sức đóng góp: chị xác định không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp

hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức K được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
 - Về con chung: Giao cho anh K nuôi cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/10/2009, giao cho chị T1 nuôi cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2020; về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Án phí: Anh K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm
- Kiên nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Anh Nguyễn Đức K có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết tranh chấp ly hôn, con chung. Chị Nguyễn Thị T là bị đơn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Anh Nguyễn Đức K là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Anh K và chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Đức K và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 25 tháng 10 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn thua lỗ phải bán nhà, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2013 chị T đi hợp tác lao động ở nước ngoài vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp: Sau khi kết hôn, anh K và chị T về nhà anh K ở thôn Đ (nay là tổ dân phố Đ) sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn thua lỗ. Chị T đi nước ngoài, năm 2019 trở về địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng anh K và chị T mâu thuẫn

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, chị T đồng ý là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh Nguyễn Đức K và chị Nguyễn Thị T có 01 con nuôi tên Nguyễn Khánh L đã làm thủ tục theo quy định của pháp luật, 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2020. Nguyễn vọng của con chung tên Nguyễn Khánh L là ở với bố. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K giao cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh L, giao cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quỳnh A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Thời gian chuẩn bị xét xử anh K có đơn đề nghị giải quyết cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2020 không phải là con của anh. Tòa án thụ lý yêu cầu của anh K. Ngày 17 tháng 01 năm 2025 anh K có đơn xin rút yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận cháu Nguyễn Quỳnh A là con. Thẩm phán ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 đối với yêu cầu không công nhận cha con.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đức K được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
2. *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Đức K trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/10/2009; giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2020; về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh K và chị T có quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Nguyễn Đức K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001478 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Anh K đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX Việt Yên;
- Chi cục THADS TX Việt Yên;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp phường Trần Phú

Bùi Thị Hương

